TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 115/2025/DS-ST Ngày 18 – 8 – 2025 V/v tranh chấp HĐ vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thúy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khóm 1, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1981 và anh Huỳnh Văn Â, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Khóm 3, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Anh Huỳnh Văn H1; Địa chỉ: ấp Đức A, xã L, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh N1; Địa chỉ: Khóm 3, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thúy H trình bày:

Ngày 02/12/2019 âm lịch, bà có cho ông Huỳnh Thanh Hùng vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay, hai bên không có làm hợp đồng vay nhưng ông Hùng có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 917428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà

Mau cấp cho ông Hùng đứng tên vào ngày 20/12/2019 cho bà giữ nên hai bên mới lập hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên, do ghi nhầm nên trong hợp đồng ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa đất không đúng với giấy chứng nhận hiện bà đang giữ. Đến ngày 29/5/2020 dương lịch, con gái và con rể của ông Hùng là anh Lê Thanh N1, chị Huỳnh Thị N có đến vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, bà có điện thoại hỏi ông Hùng và ông Hùng kêu đưa tiền cho vợ chồng chị N vay nên bà mới cho vay. Sau khi bà đưa số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng chị N vay, vợ chồng chị N có viết và ký tên vào biên nhận được ghi ở mặt sau hợp đồng cầm cố tài sản ngày 02/12/2019 với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng (gồm cả số tiền ông Hùng vay). Cùng ngày 29/5/2020 dương lịch (nhằm ngày 07/4/2020 âm lịch), bà với ông Hùng, anh N1 làm lại hợp đồng cầm cố tài sản, lãi suất tự thỏa thuận là 3%/tháng. Cả hai hợp đồng cầm cố đều không có công chứng hay chứng thực và việc bà nhận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin chứ không có cầm cố hay thế chấp đất cũng không quản lý, canh tác đất của ông Hùng. Quá trình vay, ông Hùng không trả lãi cho bà còn vợ chồng chị N có trả được 02 tháng lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng với số tiền lãi trả được là 3.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay, việc trả lãi không có làm biên nhận. Hiện ông Hùng đã chết nhưng các con ông Hùng cùng vợ chồng chị N không trả nợ cho bà và theo bà được biết tài sản ông Hùng chết để lại chưa chia thừa kế nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Đ, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn Â, anh Huỳnh Văn H1 là vợ, con của ông Hùng cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 07/4/2020 âm lịch cho đến ngày xét xử sở thẩm, riêng khoảng thời gian từ ngày 02/12/2019 âm lịch đến ngày 07/4/2020, bà không yêu cầu tính lãi. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, bà yêu cầu anh Lê Thanh N1 cùng vợ là chị Huỳnh Thị N có trách nhiệm trả số tiền nợ này và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 07/4/2020 âm lịch cho đến ngày xét xử sở thẩm và đồng ý đối trừ hai tháng tiền lãi vợ chồng chị N đã đóng. Sau khi trả nợ xong, bà sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917428 cho vợ cùng các con ông Hùng. Ngoài ra, bà không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/02/2025, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thanh Hùng là vợ chồng, chung sống với nhau có 03 người con chung là Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị N và Huỳnh Văn Â, riêng cha mẹ của ông Hùng đã chết từ lâu. Ông Hùng chết ngày 20/6/2022 (DL), không để lại di chúc. Trong thời gian chung sống vào ngày 02/12/2019 (AL), ông Hùng có vay của bà Dương Thúy H số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này là nợ chung của vợ chồng vì ông Hùng vay tiền về đưa cho bà sử dụng chung trong gia đình, chữ ký trong hợp đồng cầm cố tài sản ngày 02/12/2019 là chữ ký của ông Hùng. Khi vay, ông Hùng có thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Hùng cho bà H là đúng. Do ông Hùng chết, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa trả được khoản nợ vay của bà H. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, anh N1 và chị N nhận vào ngày 29/5/2020 thì bà không biết do ông Hùng không mang số tiền này về đưa cho bà và chữ ký trong hợp đồng cầm cố tài sản ngày 07/4/2020 (AL) bà không biết có phải là chữ

ký của ông Hùng không nhưng bà không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông Hùng. Số tiền này, bà sẽ về hỏi lại anh N1, chị N có nhận số tiền 50.000.000 đồng trên hay không, nếu có nhận thì bà sẽ đồng ý trả số tiền trên. Hiên bà đồng ý cùng các con trả cho bà H số tiền vốn vay 100.000.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Đ, anh Huỳnh Văn H1, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn Â và anh Lê Thanh N1, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng bà Đ, anh H1, chị N, anh Â cùng anh N1 không đến Toà, không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thúy H, riêng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/8/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bà Nguyễn Thị Đ cùng anh Huỳnh Văn H1, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn Â và anh Lê Thanh N1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Riêng bà Dương Thúy H đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của bà H và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ, anh H1, chị N, anh Â cùng anh N1.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Đ cùng anh Huỳnh Văn H1, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn Â và anh Lê Thanh N1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho bà Dương Thúy H nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Huỳnh Thanh Hùng và anh Lê Thanh N1, chị Huỳnh Thị N vay tiền của bà Dương Thúy H vào ngày 02/12/2019 (âm lịch), ngày 29/5/2020 dương lịch (nhằm ngày 07/4/2020 âm lịch) có lập hợp đồng ghi tiêu đề "hợp đồng cầm cố tài sản" và biên nhận viết tay được ông Hùng, anh N1 cùng chị N ký tên. Mặc dù, khi vay tiền các đương sự lập hợp đồng cầm cố tài sản nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà Đ thừa nhận chỉ vay tiền chứ không thế chấp hay cầm cố tài sản và thực tế bà H cũng không quản lý, sử dụng đất của gia đình bà Đ do ông Hùng chết để lại mà chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Hùng để làm tin nên cả hai hợp đồng cầm cố tài sản không có công chứng chứng thực. Hơn nữa, bà Đ với bà H trình bày thống nhất với nhau về thời gian vay, số tiền vay và bà Đ thừa nhận số tiền vốn vay hiện còn nợ bà H là 100.000.000 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, tuy anh N1 cùng chị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay số tiền trên cũng như việc trả tiền vốn, lãi cho bà H nhưng căn cứ vào biên nhận được viết ở mặt sau hợp đồng cầm cố tài sản ngày 02/12/2019 thể hiện số tiền vay 50.000.000 đồng anh N1, chị N là người nhận tiền và cùng ký tên vào bên nhận ghi ngày 29/5/2020 dương lịch (nhằm ngày 07/4/2020 âm lịch) nên có cơ sở xác định khoản vay này, anh N1 cùng chị N là người vay và hiện còn nợ bà H nên anh N1, chị N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với mức lãi suất thỏa thuận khi vay là cao so với quy định của pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà H khai nhận đối với khoản vay 100.000.000 đồng, ông Hùng chưa trả lãi, riêng khoản vay 50.000.000 đồng thì anh N1 và chị N đã trả được 02 tháng lãi với số tiền 3.000.000 đồng. Do bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến gì về việc trả lãi trên. Đồng thời, bà H đồng ý điều chỉnh, đối trừ số tiền lãi của anh N1, chị N đã trả và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 07/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 29/5/2020 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm đối với hai khoản vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Như vậy, lãi suất của hai khoản vay được tính như sau:

- Đối với khoản vay 100.000.000 đồng của ông Hùng, lãi suất tính từ ngày 29/5/2020 dương lịch đến ngày 18/8/2025 dương lịch (ngày xét xử sơ thẩm) là:

(05 năm 02 tháng 11 ngày X 100.000.000 đồng) X 20%/năm = 103.944.442 đồng, làm tròn 103.944.000 đồng (một trăm lẽ ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Riêng khoảng thời gian từ ngày 02/12/2019 âm lịch đến ngày 07/4/2020 âm lịch, bà H không yêu cầu tính lãi – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng của anh N1 và chị N, lãi suất tính từ ngày 29/5/2020 dương lịch đến ngày 18/8/2025 dương lịch (ngày xét xử sơ thẩm) là:

(05 năm 02 tháng 11 ngày X 50.000.000 đồng) X 20%/năm = 51.972.221 đồng, làm tròn 51.972.000 đồng.

Đối trừ 3.000.000 đồng tiền lãi anh N1, chị N đã trả, số tiền lãi còn lại là: (51.972.000 đồng – 3.000.000 đồng) = 48.972.000 đồng (bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

[5] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, hiện ông Huỳnh Thanh Hùng đã chết nhưng anh H1, chị N và anh Â là các con của ông Hùng, bà Đ không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của đương sự. Hơn nữa, bà Đ đã xác định di sản của ông Hùng chết để lại chưa chia thừa kế và đồng ý cùng các con trả khoản nợ này nên chấp nhận yêu cầu của bà H buộc anh H1, chị N, anh Â phải có nghĩa vụ cùng bà Đ thanh toán khoản nợ của ông Hùng cho bà H với số tiền vốn và lãi theo nhận định tại [3], [4] là 203.944.000 đồng (hai trăm lẽ ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Riêng anh N1 cùng chị N phải trả cho bà H số tiền vốn và lãi là 98.972.000 đồng (chín mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Đối với việc thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông Hùng vào ngày 20/12/2019, các đương sự thừa nhận việc ông Hùng thế chấp và giao bà H giữ giấy chỉ nhằm để

làm tin cho việc vay tiền nên khi vay, giữa các đương sự không có công chứng chứng thực hợp đồng và bà H cũng không quản lý, sử dụng nhà đất được cấp quyền sử dụng cho ông Hùng. Do đó, bà H có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận nên trên khi bị đơn thanh toán xong nợ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thúy H.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn H1 và anh Huỳnh Văn Â cùng có trách nhiệm trả cho bà Dương Thúy H các khoản với số tiền là 203.944.000 đồng (hai trăm lẽ ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Buộc anh Lê Thanh N1, chị Huỳnh Thị N trả cho bà Dương Thúy H các khoản với số tiền là 98.972.000 đồng (chín mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Dương Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn H1, anh Huỳnh Văn Â và anh Lê Thanh N1 không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Bà Dương Thúy H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn H1 và anh Huỳnh Văn Â bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 917428 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp đứng tên ông Huỳnh Thanh Hùng vào ngày 20/12/2019 khi bà Đ, chị N, anh H và anh Â thanh toán xong số tiền nợ cho bà H.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Đ cùng chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn H1 và anh Huỳnh Văn Â phải nộp số tiền là 10.197.200 đồng (mười triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm đồng – chưa nộp).

Chị Huỳnh Thị N, anh Lê Thanh N1 phải nộp số tiền là 4.948.600 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng – chưa nộp).

Bà Dương Thúy H không phải nộp. Ngày 01/4/2025, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 7.365.925 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003981 được trả lại toàn bộ cho bà H.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân